Số: 1217/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2025-09-10T16:39:07+07:00

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH (LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG)

(Kèm theo Quyết định số 1217 /QĐ-UBND ngày 10 tháng9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ (224 TTHC)				
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827.000.00.00.H13)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X	X
2	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003111.H13)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X	X
3	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (1.003082.H13)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X	X
4	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003058.H13)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X	X
5	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước (2.001254.H13)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X	X
6	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (1.002996.H13)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X	X
7	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004122.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
8	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (2.001738.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
9	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004253.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
10	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.012501.H13)	Tài nguyên nước	X	X
11	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (1.012498.H13)	Tài nguyên nước	X	X
12	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền (1.012505.H13)	Tài nguyên nước	X	X
13	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành (1.009669.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.001770.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
15	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (1.004283.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
16	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.012500.H13)	Tài nguyên nước	X	X
17	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 500m^3/ngày đêm (1.004232.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
18	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm (1.004228.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
19	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm (1.004223.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
20	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm (1.004211.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
21	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025) (1.004179.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
22	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (1.004167.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
23	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.011518.H13)	Tài nguyên nước	X	X
24	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.000824.000.00.00.H13)	Tài nguyên nước	X	X
25	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước (1.013799.H13)	Tài nguyên nước	X	X
26	Giao khu vực biển (1.005401.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
27	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (1.004935.H13)	Biển và Hải đảo	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
28	Trả lại khu vực biển (1.005399.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
29	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (1.005400.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
30	Công nhận khu vực biển (1.009481.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
31	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (1.005189.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
32	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (2.000472.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
33	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (1.000969.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
34	Trả lại giấy phép nhận chìm ở biển (1.000942.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
35	Cấp lại giấy phép nhận chìm ở biển (2.000444.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
36	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của thành phố (3.000435.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
37	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của thành phố (3.000436.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
38	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học của thành phố (3.000437.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
39	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học của thành phố (3.000438.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
40	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh) (1.000705.H13)	Biển và Hải đảo	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
41	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh) (1.005181.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
42	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. (1.014260.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
43	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014261.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
44	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014262.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
45	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014263.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
46	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014264.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
47	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014268.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
48	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (1.014271.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
49	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (1.014273.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
50	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (1.014257.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
51	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (1.014265.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
52	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (1.014266.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
53	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (1.014267.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
54	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (1.014269.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
55	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (1.014270.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
56	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (1.014272.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
57	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (1.014274.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
58	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (1.014276.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
59	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (1.014277.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
60	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (1.014278.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
61	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1.014295.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
62	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (1.014279.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
63	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (1.014280.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
64	Điều chỉnh giấy phép thai thác tận thu khoáng sản (1.014281.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
65	Trả lại giấy phép thai thác tận thu khoáng sản (1.014282.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
66	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (1.014283.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
67	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản 1.014256.H13	Địa chất và Khoáng sản	X	X
68	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.014285.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
69	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.014286.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
70	Điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.014287.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
71	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.014288.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
72	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (1.014289.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
73	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (1.014290.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
74	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (1.014291.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
75	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV (1.014292.H13)	Địa chất và Khoáng sản	X	X
76	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối	Địa chất và Khoáng sản	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV. (1.014293.H13)			
77	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733.H13)	Môi trường	X	X
78	Cấp giấy phép môi trường (1.010727.000.00.00.H13)	Môi trường	X	X
79	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (1.010729.000.00.00.H13)	Môi trường	X	X
80	Cấp lại giấy phép môi trường (1.010730.000.00.00.H13)	Môi trường	X	X
81	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (1.010735.000.00.00.H13)	Môi trường	X	X
82	Đăng ký tiếp cận nguồn gen (1.004160.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
83	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen (1.004150.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
84	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen (1.004096.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
85	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại (1.004117.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
86	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận (1.014021.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
87	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (1.014022.H13)			
88	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên (1.008672.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
89	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (1.008675.000.00.00.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
90	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (1.008682.000.00.00.H13)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	X	X
91	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (1.008603.H13)	Phí, lệ phí	X	X
92	Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (1.013040.H13)	Phí, lệ phí	X	X
93	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (1.012075.H13)	Trồng trọt	X	X
94	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (1.012074.H13)	Trồng trọt	X	X
95	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.012004.H13)	Trồng trọt	X	X
96	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.012003.H13)	Trồng trọt	X	X
97	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	(1.012000.H13)			
98	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (1.011999.H13)	Trồng trọt	X	X
99	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007931.000.00.00.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
100	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007932.000.00.00.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
101	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004363.000.00.00.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
102	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004346.000.00.00.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
103	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (1.007933.000.00.00.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
104	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (1.004493.000.00.00.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
105	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) (1.007999.H13)	Trồng trọt	X	X
106	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất	Trồng trọt	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại (1.007994.H13)			
107	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (2.001236.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
108	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón (1.007926.H13)	Bảo vệ thực vật	X	X
109	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (3.000179.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
110	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng (3.000180.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
111	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (3.000055.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
112	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
113	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương (1.012921.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
114	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.012687.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
115	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (3.000198.000.00.00.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
116	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư (1.007918.H13)			
117	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.000084.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
118	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghĩ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (1.000081.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
119	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (1.000071.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
120	Miễn giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) (1.000058.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
121	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (1.012692.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
122	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (1.012691.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
123	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (1.012689.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
124	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (1.012690.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
125	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (1.012413.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
126	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (3.000159.000.00.00.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
127	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
128	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (1.004819.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
129	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (3.000496.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
130	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (1.011470.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
131	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ. (3.000160.000.00.00.H130	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
132	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên. (1.000047.000.00.00.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
133	Xác nhận bảng kê lâm sản (1.000045.000.00.00.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
134	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý. (3.000501.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
135	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương	Thủy lợi	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.004427.000.00.00.H13)			
136	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001796.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
137	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001426.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
138	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001795.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
139	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003870.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
140	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc	Thủy lợi	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003921.000.00.00.H13)			
141	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003893.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
142	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001793.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
143	Cấp giấy phép hoạt động cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.004385.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
144	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001791.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
145	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp	Thủy lợi	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003880.000.00.00.H13)			
146	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001401.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
147	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003211.H13)	Thủy lợi	X	X
148	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003203.H13)	Thủy lợi	X	X
149	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003188.H13)	Thủy lợi	X	X
150	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý (1.003867.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
151	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công	Thủy lợi	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh cấp quản lý (2.001804.000.00.00.H13)			
152	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003232.H13)	Thủy lợi	X	X
153	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.003221.H13)	Thủy lợi	X	X
154	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh (1.013861.H13)	Khí tượng thủy văn	X	X
155	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh (1.013863.H13)	Khí tượng thủy văn	X	X
156	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000987.000.00.00.H13)	Khí tượng thủy văn	X	X
157	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000970.000.00.00.H13)	Khí tượng thủy văn	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
158	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (1.008409.000.00.00.H13)	Đê điều và Phòng, chống thiên tai	X	X
159	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (1.008410.000.00.00.H13)	Đê điều và Phòng, chống thiên tai	X	X
160	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.008408.000.00.00.H13)	Đê điều và Phòng, chống thiên tai	X	X
161	Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của ủy ban nhân dân tỉnh (1.013644.H13)	Đê điều và Phòng, chống thiên tai	X	X
162	Công nhận làng nghề truyền thống (1.003727.000.00.00.H13)	Kinh tế hợp tác và PTNT	X	X
163	Công nhận nghề truyền thống (1.003712.000.00.00.H13)	Kinh tế hợp tác và PTNT	X	X
164	Công nhận làng nghề (1.003695.000.00.00.H13)	Kinh tế hợp tác và PTNT	X	X
165	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh) (1.003397.000.00.00.H13)	Kinh tế hợp tác và PTNT	X	X
166	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu (1.003524.H13)	Kinh tế hợp tác và PTNT	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
167	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu (1.003486.H13)	Kinh tế hợp tác và PTNT	X	X
168	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (1.004918.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
169	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (1.004915.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
170	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thuỷ sản (theo yêu cầu) (1.004913.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
171	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (1.004697.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
172	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (1.004692.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
173	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thuỷ sản (1.004359.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
174	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	(1.004344.000.00.00.H13)			
175	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003634.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
176	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (1.003586.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
177	Xóa đăng ký tàu cá (1.003681.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
178	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên) (1.004923.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
179	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên) (1.004921.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
180	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (1.004680.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
181	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (1.004656.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
182	Công bố mở cảng cá loại 2 (1.004694.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
183	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý) (1.004684.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
184	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá (1.004056.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
185	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (1.003666.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
186	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (1.004943.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
187	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá (1.004929.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
188	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản (1.004683.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
189	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý) (1.004678.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
190	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (1.004669.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
191	Công bố mở cảng cá loại I (1.004654.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
192	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế) (1.003851.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
193	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (1.003741.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
194	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (1.003726.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
195	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003650.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008128.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
197	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008129.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
198	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (1.012832.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
199	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (1.012833.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
200	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (1.012834.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
201	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (1.008127.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
202	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.001686.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
203	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) (1.005319.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
204	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.004839.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
205	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh,	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) (2.001064.000.00.00.H13)			
206	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (1.004022.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
207	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (1.011477.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
208	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu) (1.011479.H13)	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	X	X
209	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (1.003371.000.00.00.H13)	Nông nghiệp	X	X
210	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003618.000.00.00.H13)	Nông nghiệp	X	X
211	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao (1.011647.H13)	Khoa học, công nghệ và Môi trường	X	X
212	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (1.009478.000.00.00.H13)	Khoa học, công nghệ và Môi trường	X	X
213	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.012805.H13)	Đất đai	X	X
214	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất (1.012821.H13)	Đất đai	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
215	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa (1.013953.H13)	Đất đai	X	X
216	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực lấn biển để thực hiện hoạt động lấn biển (1.013828.H13)	Đất đai	X	X
217	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư (1.013945.H13)	Đất đai	X	X
218	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (1.013946.H13)	Đất đai	X	X
219	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất (1.013823.H13)	Đất đai	X	X
220	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất (1.013825.H13)	Đất đai	X	X
221	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất; điều	Đất đai	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
	chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (1.013826.H13)			
222	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II (1.000049.000.00.00.H13)	Đo đạc bản đồ	X	X
223	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (1.011671.H13)	Đo đạc bản đồ	X	X
224	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (1.004237.000.00.00.H13)	Tổng hợp	X	X
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (36 TTHC)				
1	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) (1.012836.H13)	Lĩnh vực chăn nuôi thú y	X	X
2	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (1.012837.H13)	Lĩnh vực chăn nuôi thú y	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
3	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (1.012694.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
4	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (3.000250.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
5	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công (1.007919.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
6	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (1.012922.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
7	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (1.012531.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
8	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (1.011471.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X
9	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (3.000502.H13)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
10	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã 1.003347.H13	Thủy lợi	X	X
11	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp (2.001627.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
12	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (1.003471.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
13	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (1.013768.H13)	Thủy lợi	X	X
14	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) (2.001621.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440.000.00.00.H13)	Thủy lợi	X	X
16	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.003956.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
17	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.004498.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
18	Công bố mở cảng cá loại III (1.004478.000.00.00.H13)	Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư	X	X
19	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (1.008004.000.00.00.H13)	Trồng trọt và BVTV	X	X
20	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (1.010091.000.00.00.H13)	Đê điều và Phòng, chống thiên tai	X	X
21	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Đê điều và Phòng, chống thiên tai	X	X
22	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (1.010736.000.00.00.H13)	Môi trường	X	X
23	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (1.008603.H13)	Phí, lệ phí	X	X
24	Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (1.013040.H13)	Phí, lệ phí	X	X
25	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (1.001662.H13)	Tài nguyên nước	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
26	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000439.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
27	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000440.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
28	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000441.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
29	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000442.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
30	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000443.H13)	Biển và Hải đảo	X	X
31	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã) (1.003434.000.00.00.H13)	Kinh tế hợp tác và PTNT	X	X
32	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (1.008004.000.00.00.H13)	Trồng trọt	X	X
33	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (1.013967.H13)	Đất đai	X	X
34	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã 1.012812.H13	Đất đai	X	X

STT	Tên TTHC (và mã số TTHC)	Lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	
			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
35	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (1.014258.H13)	Địa chất khoáng sản	X	X
36	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1.014259.H13)	Địa chất khoáng sản	X	X